

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ CÚ  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08- 8-2018

*“V/v Tranh chấp nam nữ chung  
sống với nhau như vợ chồng mà  
không đăng ký kết hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH  
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Sô Tha.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Nguyễn Diệu Ký.
  2. Bà Thạch Thu Hương.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Kim Thị Mỹ Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú:* Ông Trầm Văn Mừng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018, về việc *“Tranh chấp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Thanh Nh, sinh năm 1977;  
Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị Xuân M sinh năm 1982 (vắng mặt)  
Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2018 nguyên đơn ông Trương Thanh Nh trình bày: Vào năm 2000 ông có xác lập quan hệ vợ chồng với bà M nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống bên gia đình của ông tại ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu có hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống làm ăn do bà M không quan tâm đến gia đình và bà M đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở nên vợ chồng đã sống ly thân đến nay, từ lúc

ly thân hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả. Trong quá trình chung sống có với nhau được 01 người con tên Trương Thanh H, sinh ngày 22/12/2001 hiện đang sống chung với tôi; về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay nhận thấy quan hệ vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu ly hôn với bà Lâm Thị Xuân M; Về con chung: 01 người con tên Trương Thanh H, sinh ngày 22/12/2001, tùy theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/7/2018 và biên bản ghi lời khai ngày 13/7/2018 bị đơn bà Lâm Thị Xuân M trình bày: Bà M thống nhất thời lời khai về quá trình chung sống cũng như con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Về quan hệ hôn nhân bà đồng ý ly hôn với ông Trương Thanh Nh; Về con chung bà thống nhất có 01 người con tên Trương Thanh H, sinh ngày 22/12/2001, tùy nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Bà thống nhất không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Trương Thanh H, sinh ngày 22/12/2001 trình bày: Cha, mẹ của cháu tên Lâm Thị Xuân M và Trương Thanh Nh ly hôn với nhau thì cháu không có ý kiến. Nếu cha, mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu được ở chung với cha.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Việc Tòa án nhân dân huyện Trà Cú thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp quy định tại khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, đảm bảo; Việc ban hành các văn bản tố tụng đảm bảo về nội dung và hình thức; Việc gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng quy định. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, 15, 16 và Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Thanh Nh và bà Lâm Thị Xuân M.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Do bị đơn bà Lâm Thị Xuân M có nơi cư trú tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Bà Lâm Thị Xuân M có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lâm Thị Xuân M.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trương Thanh Nh và bà Lâm Thị Xuân M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ”. Hiện nay, ông Nh và bà M xác định quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cả hai bên đã tự có cuộc sống riêng và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Nh và bà M không được pháp luật công nhận là hợp pháp nên cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Thanh Nh và bà Lâm Thị Xuân M.

[3] *Về con chung:* Có 01 con chung tên Trương Thanh H, sinh ngày 22/12/2001 hiện đang sống với ông Nh (nguyên vọng của cháu Trương Thanh H là sống với cha). Giao con chung là Trương Thanh H cho ông Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Nh không yêu cầu bà M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận sự tự nguyện này của ông Nh.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Nh và bà M xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị:* Về quan hệ hôn nhân không công nhận giữa ông Nh và bà M là vợ chồng; Về con chung tên Trương Thanh H, sinh ngày 22/12/2001 giao cho ông Nh được trực tiếp nuôi dưỡng (Đây nguyện vọng của cháu Trương Thanh H là sống với cha) và ghi nhận sự tự nguyện của ông Nh

không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Trương Thanh Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16; Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thanh Nh.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Thanh Nh và Lâm Thị Xuân M.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thanh H, sinh ngày 22/12/2001 cho ông Trương Thanh Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của cháu H). Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nh về việc không yêu cầu bà M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Ông Trương Thanh Nh phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình nên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà ông Nh đã nộp tại biên lai số 0013861 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Bà Lâm Thị Xuân M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

( Đã Ký)

**Sơn Thị Sô Tha**